

Số: 586/QĐ-CPNT2

Đại Phước, ngày 26 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá**
Gói thầu: Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty
đợt 2 năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ XIV, ban hành theo Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của HĐQT về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-CPNT2 ngày 16/07/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 04/06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt chi tiết Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-CPNT2 ngày 24/09/2025 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty đợt 2 năm 2025;

Xét đề nghị của các phòng chức năng tại Tờ trình số 720/TTr-CPNT2 ngày 25/09/2025 về việc Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá cho gói thầu Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty đợt 2 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty đợt 2 năm 2025 với nội dung chi tiết như Bản yêu cầu báo giá đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.



Page

Điều 3. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng TCHC, Phòng TM-TTĐ của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC 

Nơi nhận:

- Như điều 3; 
- P.TM-TTĐ, P.TCKT;
- Lưu VT, P.TCHC.




Ngô Đức Nhân

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty
đợt 2 năm 2025.

Phát hành ngày: 26/9/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 586/QĐ-CPNT2

 Bên mời thầu




PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà

Chương I. YÊU CẦU NỘP BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia nộp bản báo giá gói thầu (BBG). Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá (YCBG) này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu;

Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
7. Nhà thầu không có cổ phần góp vốn trên 20% của nhau khi tham gia cùng gói thầu.

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

1. Có cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của năm 2024;
2. Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

Trong đó hợp đồng tương tự là:

- Có tính chất tương tự cung cấp thiết bị văn phòng là máy: Desktop, laptop, Server, máy in, thiết bị mạng...);

- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 300.000.000 VND.

Chú thích:

- Tương tự về tính chất: hàng hóa có tính chất tương tự là hàng hóa đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại (chủ đầu tư nêu lĩnh vực, chủng loại ví dụ: Desktop, laptop, Server, máy in, thiết bị mạng....) hoặc (ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>). Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại do E-HSMT yêu cầu hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).
- Quy mô của hợp đồng tương tự:
 - Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:
 - (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là 300.000.000 đồng hoặc
 - (ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 300.000.000 đồng).

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:
 - (iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là K (hoặc K/1,4 nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó K bằng 70% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc
 - (iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng

khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi cung cấp và kỹ thuật về hàng hóa			
1	Chủng loại thiết bị cung cấp	Đáp ứng theo biểu phạm vi cung cấp	Không đáp ứng theo biểu phạm vi cung cấp
2	Các thông số kỹ thuật theo biểu phạm vi cung cấp	Đáp ứng theo biểu phạm vi cung cấp	Không đáp ứng theo biểu phạm vi cung cấp
II. Chế độ bảo hành			
1	Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành đối với toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.	Có cam kết	Không có cam kết
III. Địa điểm giao hàng			
1	- Địa điểm giao hàng: nhà Hành chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ: Ấp 3 xã Đại Phước - tỉnh Đồng Nai hoặc đúng địa điểm yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.	Có cam kết	Không có cam kết

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*)

Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng, bảng tiến độ thực hiện, bảng chào giá hàng hóa theo mẫu số 01, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Chương III;
2. Bảng tiến độ thực hiện Mẫu số 2 Chương III;
3. Bảng chào giá hàng hóa Mẫu số 3 Chương III;
4. Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;
 - b. Có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc nhà thầu đã hoàn thành phần lớn (hoàn thành 70% gói thầu) trong vòng 3 năm trở lại đây (tính từ thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị ≥ 300 triệu đồng.
 - c. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.

d. Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai. Thời gian nhận báo giá không muộn hơn 10 giờ 15 phút ngày 03/10/2025 (trong giờ hành chính). Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá (YCBG);
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên web site: <https://www.pvpnt2.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định hiện hành của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Thông tin gói thầu: Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty đợt 2 năm 2025.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2: Phạm vi cung cấp hàng hóa và tiến độ cung cấp hàng hóa, địa điểm giao nhận hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Stt	Tên thiết bị	Nhà sản xuất hoặc tương đương ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Laptop MacBook Air 13 inch/(Tương đương) CPU: Apple M4 GPU: 10 lõi Ram: 24GB Màn hình Liquid Retina 13,6 inch Ổ cứng: 1TB SSD Công suất Củ sạc: 70W Camera: 12MP Center Stage Hệ điều hành: MacOS Phụ kiện: Chuột không dây.	Apple	Chiếc	01	Cung cấp CO,CQ
2	Laptop Dell Inspiron 15 3530 - P16WD/(Tương đương) CPU: Intel Core i7-1355U Ram: 16Gb DDR4 HDD: 1 TB SSD M.2 PCIe Màn hình: 15,6" FHD (1920 x 1080) VGA: Intel Iris Xe Graphics Camera: 720p at 30 fps HD OS: Windows 11 Home Phụ kiện: Chuột không dây.	Dell	Chiếc	01	Cung cấp CO,CQ

3	Laptop ASUS Vivobook S 16 OLED/(Tương đương) CPU: Ultra 7 155H 1.4GHz RAM: 16Gb (Onboard) LPDDR5 HDD: 512Gb SSD Card màn hình: Intel Arc Graphics Kích thước màn hình: 16.0inch 3.2K 120Hz; Hệ điều hành: Windows 11 Tích hợp AI Copilot trong Windows Pin: 75WHrs, 4S1P, 4-cell Li-ion Phụ kiện: Chuột không dây.	ASUS	Chiếc	01	Cung cấp CO,CQ
4	Laptop Dell Inspiron 15 3530 - N5I7216W1/(Tương đương) CPU: Intel Core i7-1355U Ram: 16Gb DDR4 HDD: 512MB SSD M.2 PCIe Màn hình: 15,6" FHD (1920 x 1080) VGA: Intel Iris Xe Graphics Camera: 720p at 30 fps HD OS: Windows 11 Home Phụ kiện: Chuột không dây.	Dell	Chiếc	03	Cung cấp CO,CQ
5	Laptop Dell Inspiron 15 3530 - P16WD22 /(Tương đương) CPU: Intel Core i5-1334U Ram: 16Gb DDR4 HDD: 512MB SSD M.2 PCIe Màn hình: 15,6" FHD (1920 x 1080) VGA: Intel Iris Xe Graphics Camera: 720p at 30 fps HD OS: Windows 11 Home Phụ kiện: Chuột không dây.	Dell	Chiếc	01	Cung cấp CO,CQ

6	Laptop Lenovo ThinkPad P16v Gen 2/ (Tương đương) CPU: Intel Core Ultra 7 155H, 16C (6P + 8E + 2LPE) / 22T, Max Turbo up to 4.8GHz, 24MBIntel® NPU: AI Boost, up to 11 TOPS VGA: NVIDIA® RTX 1000 Ada Generation 6GB GDDR6 Màn hình: 16" WUXGA (1920x1200) IPS RAM: 1x 32GB SO-DIMM DDR5-5600 Non-ECC HDD: 1TB SSD M.2 2280 PCIe® Pin: 90Wh, Cân nặng: 2.2 kg Màu sắc: Black, Phụ kiện: Chuột không dây.	Lenovo	Chiếc	03	Cung cấp CO,CQ
7	Máy in HP LaserJet Enterprise 700 Printer M712dn/ (Tương đương) * Loại máy in: Laser trắng đen; Khổ giấy in: A3, A4; Tốc độ in: 40 trang A4 /phút, 20 trang A3/ phút; *Tốc độ xử lý: 800 MHz; Bộ nhớ ram: 512MB; Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi *Chuẩn kết nối: USB, 2.0, Network *Chức năng đặc biệt: In mạng, in 2 mặt tự động *Mực in sử dụng: HP 14A (CF214A)	HP	Chiếc	01	Cung cấp CO,CQ
8	Máy Scan HP ScanJet Enterprise Flow N7000/ (Tương đương) Khổ giấy A4/A5 Tốc độ 75 trang /phút/1 mặt và 150 trang/phút/2 mặt. Scan hai mặt: Có; ADF: Có Độ phân giải 600 x 600 dpi Cổng giao tiếp USB/ LAN/ WIFI Kích thước Kích thước (RỘNG X SÂU X CAO): 310 x 198 x 190 mm Trọng lượng 4,0 kg; Xuất xứ: Trung quốc, bảo hành: 03 năm.	HP	Chiếc	01	Cung cấp CO,CQ
9	Màn hình HP S5 524sf / (Tương đương) Kích thước: 23.8 inch Full HD (1920x1080) Tần số quét 100HZ; Độ sáng 300cd/m2 Cổng giao tiếp VGA, HDMI	HP	Chiếc	01	
10	Màn hình HP S5 532sf/ (Tương đương) Kích thước: 31.5 inch Full HD (1920x1080)	HP	Chiếc	01	

	Tần số quét 100HZ; Độ sáng 300cd/m2 Cổng giao tiếp VGA, HDMI				
11	Ổ cứng SSD Western sata 2.5" 512GB	Western	Chiếc	02	
12	Bộ phát sóng Wifi Vigor 1100ax (Gigabit RJ5)	DrayTek	Chiếc	05	
13	Phần mềm Microsoft Windows Pro 11 64bit Eng intl 1pk DSP OEI DVD	Microsoft	Bộ	03	
14	Phần mềm Office Home and Business 2024	Microsoft	Bộ	10	

Ghi chú: - CO là Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;
- CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa;
- (1) Tương đương là tương đương hoặc cao hơn về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2. Tiến độ và địa điểm giao nhận hàng hóa:

❖ **Tiến độ giao hàng:** 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

❖ **Địa điểm giao nhận hàng hóa:** Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Nhà thầu được phép giao hàng sớm hơn quy định. Trong trường hợp chậm tiến độ, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định tại Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp.

Danh mục hàng hóa với các thông số kỹ thuật trong biểu phạm vi cung cấp là các mục hàng hóa mà PVPower NT2 đang sử dụng hoặc mong muốn sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại mã trên hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng và hệ thống hiện hữu của Bên mời thầu. Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng tương đương thì phải cung cấp các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa và phải có cam kết tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị).

Trường hợp chào mặt hàng thay thế, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh, kèm theo bảng phân tích tính tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế, có văn bản cam kết mặt hàng chào thay thế là tương đương hoặc tốt hơn so với mặt hàng yêu cầu.

Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, cùng quy cách, cùng thành phần tương đương có tính năng sử dụng tương đương với hàng hóa theo yêu cầu.

Nhà thầu phải tự khảo sát và xem xét hệ thống tiếp nhận của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị BBG và phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu phải tự chịu mọi chi phí cho việc khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

Mục 2. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm vận chuyển và thi công lắp đặt hàng hóa tại văn phòng của PVPower NT2, tại Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: **≥ 12 tháng** kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- PVPower NT2 hoặc đại diện của PVPower NT2 có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do PVPower NT2 thông báo trước và được Nhà thầu thống nhất chấp thuận.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì PVPower NT2 có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, PVPower NT2 có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của PVPower NT2 không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.
- Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này, chi phí do Nhà thầu chịu.
- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại văn phòng của bên mời thầu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn chào hàng			X
2	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ giao hàng			X
3	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty đợt 2 năm 2025.

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: _____

- Số đăng ký kinh doanh: _____

cam kết thực hiện gói thầu Trang bị thiết bị văn phòng phục vụ công việc tại Công ty đợt 2 năm 2025 với các thông tin chính như sau:

Theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [Ghi tỷ lệ giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____.

Thời gian thực hiện gói thầu là 60 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Hiệu lực của báo giá: _____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian giao hàng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian giao hàng do nhà thầu đề xuất
1	140 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Đơn giá chào (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) đã bao gồm thuế VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			(7)=(4)x(6)
	Hàng hoá thứ 1					M1*		M1
								
	Hàng hoá thứ n					Mn*		Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT						(M*)		
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT								(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà thầu điền nội dung bảng giá chào của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V.
- Thành tiền M1*, ... Mn*, (M*) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ _____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 24/2024/NĐ-CP];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] của _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán (cung cấp) theo yêu cầu cụ thể như Phụ lục 1-Biểu giá; Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Phối hợp, hướng dẫn Bên A trong quá trình lắp đặt, vận hành, chạy thử.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: PVPower NT2 thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày PVPower NT2 nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của Nhà thầu gồm:

- Một (01) Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;
- Một (01) Bản gốc Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
- Một (01) Bản gốc/Bản copy Giấy chứng nhận xuất xứ (CO);
- Một (01) Bản gốc/Bản copy tài liệu chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp;
- Một (01) Bản gốc Giấy cam kết bảo hành hàng hóa;
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- c) Số lần thanh toán: 01 lần.

Điều 6. Loại Hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện gói thầu

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành tất cả công việc và bàn giao đưa vào sử dụng cho bên A.

Điều 8. Giao hàng và nghiệm thu

8.1 Thời gian giao hàng: Nhà thầu sẽ giao hàng cho PVPower NT2 theo tiến độ quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

8.2 Thủ tục giao hàng:

- ❖ Thông báo giao hàng: Nhà thầu sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản hoặc email cho PVPower NT2 trước 03 ngày để PVPower NT2 tiến hành tổ chức nghiệm thu.
- ❖ Biên bản bàn giao: Gồm 02 (hai) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng.
- ❖ Một (01) Bản gốc/Bản copy Giấy chứng nhận xuất xứ (CO);
- ❖ Một (01) Bản gốc/Bản copy tài liệu chứng nhận chất lượng/các chứng chỉ tương đương do nhà sản xuất cấp;
- ❖ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);

8.3 Địa điểm giao hàng: Tại nhà Hành chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai (PVPower NT2 sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí giao hàng do Nhà thầu chịu.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. PVPower NT2 hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được PVPower NT2 gia hạn;

- b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, PVPower NT2 có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho PVPower NT2 những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, PVPower NT2 không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của PVPower NT2 được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10: Phạt do vi phạm thời gian giao hàng

Nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày chậm giao hàng và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng trước thuế. Khi thời gian giao hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. PVPower NT2 và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 12. Điều chỉnh thuế GTGT

Điều chỉnh thuế (áp dụng đối với thuế VAT): Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 13: Trường hợp bất khả kháng

13.1 Quy định về bất khả kháng:

- Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, khủng bố, hay những trường hợp tương tự có ảnh hưởng đến việc sản xuất, giao hàng của nhà cung cấp mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

13.2 Thủ tục về bất khả kháng:

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, PVPower NT2 giữ 03 bộ, Nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại YCBG và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.



